

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nhạc

Ông Phạm Văn Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Linh – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Trần Anh V, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: khu phố B, phường XA, thành phố PT, tỉnh BT, Việt Nam.

- Bị đơn: chị Trương Kim N, sinh năm 1994; Quốc tịch: Úc

Địa chỉ cư trú: S St, Inala, Queensland ..., Australia.

Chị Trương Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho anh Trần Anh V nhận các văn bản tố tụng trong vụ án (Theo văn bản ủy quyền được Đại sứ quán Việt Nam tại Úc chứng thực ngày 16/9/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/8/2019, nguyên đơn - anh Trần Anh V trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Trương Kim N đã tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2015 tại Ủy ban nhân dân tỉnh BT, Việt Nam.

Sau khi kết hôn, anh và chị Trương Kim N chỉ sống với nhau một thời gian ngắn, nhưng vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn và không tìm thấy hạnh phúc. Sau đó, chị N trở về Úc, cho đến nay không trở về Việt Nam nữa. Anh có đề nghị chị N làm thủ tục bảo lãnh để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Đến nay, vợ chồng không còn chia sẻ và quan tâm đến nhau trong cuộc sống.

Vì vậy, xét thấy mối quan hệ vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trương Kim N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai được Đại sứ quán Việt Nam tại Úc chứng thực ngày 16/10/2019, bị đơn - chị Trương Kim N trình bày:

Chị và anh Trần Anh V tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì chị quay trở về Úc. Do khoảng cách địa lý xa dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Anh V, nên chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh V. Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Kim N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Anh V đối với chị Trương Kim N.

2. Về án phí: Anh Trần Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Trương Kim N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh V và chị Trương Kim N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh BT vào ngày 26/11/2015. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được một thời gian ngắn thì chị Trương Kim N phải về sinh sống và làm việc tại Úc. Do trong thời gian sống chung, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và do khoảng cách địa lý xa dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay, anh Trần Anh V yêu cầu ly hôn, chị Trương Kim N đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa hai bên không thể hàn gắn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Anh V như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Anh V và chị Trương Kim N đều thống nhất khai vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Anh V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về chi phí ủy thác tư pháp: Sau khi thụ lý vụ án, do nguyên đơn Trần Anh V liên lạc với bị đơn Trương Kim N để làm thủ tục cung cấp lời khai gửi về cho Tòa án, nên ngày 20/02/2020, Tòa án đã có Công văn số 13/TABT-TGD gửi Bộ Tư pháp rút yêu cầu ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ đối với chị Trương Kim N. Vì vậy, nguyên đơn Trần Anh V không phải chịu chi phí ủy thác tư pháp và được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Anh V đối với chị Trương Kim N.

2. Về án phí: Anh Trần Anh V phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027447 ngày 22/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Anh Trần Anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí ủy thác tư pháp: Hoàn trả lại cho nguyên đơn Trần Anh V tiền tạm ứng chi phí ủy thác đã nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0027914, 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0027915 và 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu số 0001795 cùng ngày 21/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái